



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ III/2013**

THÁNG 10/2013



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2013	1/1/2013
1	2	3	4	4
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		487 828 178 973	395 017 489 446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		386 513 145 545	257 805 636 347
1. Tiền	111	V.01	3 113 145 545	3 005 636 347
2. Các khoản tương đương tiền	112		383 400 000 000	254 800 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		89 000 000 000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			89 000 000 000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88 880 874 223	35 732 921 479
1. Phải thu khách hàng	131		2 994 510 401	1 626 018 842
2. Trả trước cho người bán	132		3 804 823 314	54 413 743
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	82 081 540 508	34 052 488 894
IV. Hàng tồn kho	140		425 527 862	426 662 050
1. Hàng tồn kho	141	V.04	425 527 862	426 662 050
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12 008 631 343	12 052 269 570
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		111 681 818	177 124 563
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		577 323 003	99 499 472
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	11 196 159 975	11 366 823 482
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		123 466 547	408 822 053
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8 078 215 673 849	7 487 473 476 896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		448 979 590 000	448 979 590 000
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	448 979 590 000	448 979 590 000
II. Tài sản cố định	220		51 584 702 089	19 368 362 178
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	12 175 006 825	15 753 792 200
- Nguyên giá	222		36 979 620 259	37 222 919 236
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		- 24 804 613 434	- 21 469 127 036
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	29 929 570 802	3 614 569 978
- Nguyên giá	228		31 110 496 640	4 491 519 100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		- 1 180 925 838	- 876 949 122
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	9 480 124 462	
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	238 258 265 488	247 979 280 094
- Nguyên giá	241		259 227 056 200	259 227 056 200
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		- 20 968 790 712	- 11 247 776 106
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7 336 751 237 533	6 766 361 237 533
1. Đầu tư vào công ty con	251		7 328 821 237 533	6 479 431 237 533
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7 230 000 000	7 230 000 000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	700 000 000	279 700 000 000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2 641 878 739	4 785 007 091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2 637 878 739	4 781 007 091
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		4 000 000	4 000 000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		8 566 043 852 822	7 882 490 966 342





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
 Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
 Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

NGUỒN VỐN		30/9/2013	1/1/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	1 021 426 915 145	899 789 113 569
I. Nợ ngắn hạn	310	472 447 325 145	388 809 523 569
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15 428 560 263 886	347 400 000 000
2. Phải trả người bán	312	11 139 209 691	1 802 953 185
3. Người mua trả tiền trước	313		
4. Doanh thu chưa thực hiện			
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16 11 814 053 779	47 832 525
6. Phải trả người lao động	315	362 076 000	740 814 900
7. Chi phí phải trả	316	V.17	13 488 127 853
8. Phải trả nội bộ	317		
9. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18 11 406 205 795	11 566 223 211
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	9 165 515 994	13 763 571 895
II. Nợ dài hạn	330	548 979 590 000	510 979 590 000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	
3. Phải trả dài hạn khác	333	448 979 590 000	448 979 590 000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20 100 000 000 000	62 000 000 000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400	7 544 616 937 677	6 982 701 852 773
I. Vốn chủ sở hữu	410	7 544 616 937 677	6 982 701 852 773
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4 190 525 330 000	4 190 525 330 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2 207 350 817 068	2 207 350 817 068
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ	414		
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	86 611 964 000	86 611 964 000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	1 060 128 826 609	498 213 741 705
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	8 566 043 852 822	7 882 490 966 342

Người lập biểu

Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Lý Thị Ngạn



Lập ngày 19 tháng 10 năm 2013

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
HOA PHÁT

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Tuấn Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 3/2013

Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2013	Quý 3/2012	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2013	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2012
		4	5	6	7
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8 043 240 000	7 968 000 000	24 104 640 000	18 889 868 353
2	Các khoản giảm trừ doanh thu				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	8 043 240 000	7 968 000 000	24 104 640 000	18 889 868 353
4	Giá vốn hàng bán	3 240 338 202	3 234 088 203	9 721 014 606	8 238 473 568
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	4 802 901 798	4 733 911 797	14 383 625 394	10 651 394 785
6	Doanh thu hoạt động tài chính	569 147 412 175	117 698 819 365	1 023 530 905 435	576 719 665 985
	<i>Trong đó: Công ty con chuyển LN</i>	564 000 000 000	32 600 000 000	998 370 439 530	411 087 278 302
7	Chi phí tài chính	5 643 687 644	31 480 884 860	30 783 749 213	101 346 053 971
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	5 643 687 644	31 480 884 860	30 783 749 213	101 342 187 372
8	Chi phí bán hàng				
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 635 953 969	7 697 090 395	20 197 765 501	22 360 225 690
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	561 670 672 360	83 254 755 907	986 933 016 115	463 664 781 109
11	Thu nhập khác	1 969 244 357	1 771 330 850	12 861 801 128	6 989 226 723
12	Chi phí khác	758 791 124	493 961 957	2 046 285 832	2 821 314 435
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	1 210 453 233	1 277 368 893	10 815 515 296	4 167 912 288
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	562 881 125 593	84 532 124 800	997 748 531 411	467 832 693 397
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành		261 941 846	170 663 507	261 946 161
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	562 881 125 593	84 270 182 954	997 577 867 904	467 570 747 236

Người lập biểu

[Signature]

Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

[Signature]

Lý Thị Ngân



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01/1/2013 đến 30/9/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/9/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	997,748,531,411	467,832,693,397
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ (+)	02	14,867,655,878	13,071,329,991
- Các khoản dự phòng (+)	03		
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1,016,651)	(1,350,892)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,023,591,067,014)	(577,385,665,876)
- Chi phí lãi vay (+)	06	30,783,749,213	101,342,187,372
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19,807,852,837	4,859,193,992
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	160,704,403,149	276,161,420,028
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1,134,188	2,496,417,278
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	8,797,500,190	(213,916,899,505)
- (Tăng) giảm chi phí trả trước	12	2,208,571,097	(9,258,544)
- Tiền lãi vay đã trả (-)	13	(44,103,940,173)	(2,348,638,889)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp (-)	14		(17,910,311,518)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (+)	16		32,283,400
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (-)	17	(10,855,689,144)	(21,737,568,012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	136,559,832,144	27,626,638,230
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28,792,206,926)	(256,778,785,882)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	591,363,636	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(227,740,915,033)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	353,000,000,000	402,825,934,518
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(734,390,000,000)	(355,314,000,000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	275,509,000,000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	701,424,445,467	425,093,228,499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	291,833,602,177	263,594,462,102
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		100,459,025,089
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	399,160,263,886	102,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(280,000,000,000)	(207,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(418,847,684,050)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(299,687,420,164)	(4,540,974,911)
Tăng lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	128,706,014,157	286,680,125,421
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	257,805,636,347	168,143,844,207
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1,495,041	(461,072)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	386,513,145,545	454,823,508,556

Người lập biểu

Hoàng Phi Khanh

Kế toán trưởng

Ly Thi Ngan



Lập ngày 19 tháng 10 năm 2013

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

TẬP ĐOÀN

HOA PHÁT

H. YÊN MỸ - T. MUNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ 01/07/2013 ĐẾN 30/9/2013

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1- Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần
- 2- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh
- 3- Ngành nghề kinh doanh:
 - Đầu tư tài chính; Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị; Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng và gia đình, trường học;
 - Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện;
 - Sản xuất kinh doanh các loại máy xâu dựng và máy khai thác mỏ;
 - Sản xuất kinh doanh, lắp ráp, đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điều hòa;
 - Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ cho thuê nhà văn phòng, tải sản;
 - Dịch vụ vận tải và cho thuê phương tiện vận tải
 - Sản xuất và buôn bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
 - Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép; sản xuất cán kép thép, tôn lợp;
 - Khai thác quặng kim loại; mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
 - Luyện gang thép, đúc gang, sắt thép; sản xuất ống thép không mạ, ống inox;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi;

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1- Kỳ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VN đồng

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1- Chế độ kế toán áp dụng:
Chế độ kế toán Doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
- 2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:
Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- 3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền
Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền Việt Nam Đồng là lấy tỉ giá bán ra của Ngân hàng ngoại thương tại thời điểm thực tế.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): TSCĐ phản ánh theo nguyên giá, trong bảng Bảng cân đối kế toán phản ánh 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo chi phí phát sinh ban đầu (giá mua và chi phí liên quan đến quyền sở hữu bất động sản).
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết : được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của quỹ dự trữ sau khi mua được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay ; chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

7- Nguyên tắc ghi nhận vốn hoá các khoản chi phí khác:

- *Chi phí trả trước* : Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.
- *Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại* . Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá (10) năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng:

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu* : Được ghi nhận theo số vốn góp thực góp của chủ sở hữu.
- *Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá* : vào cuối năm tài chính Công ty đã đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối* : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- *Doanh thu bán hàng* : được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- *Doanh thu cung cấp dịch vụ* ; khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

- 12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:** Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.
- 13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:** Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế; số chuyển lỗ chuyển vào năm hiện tại, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các chính sách ưu đãi được áp dụng tại đơn vị; Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập DN

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

	<i>30/9/2013</i>	<i>1/1/2013</i>
01- Tiền và các khoản tương đương tiền	30/9/2013	1/1/2013
- Tiền mặt	243,877,025	243,704,932
- Tiền gửi ngân hàng	2,869,268,520	2,761,931,415
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền	383,400,000,000	254,800,000,000
	<u><u>386,513,145,545</u></u>	<u><u>257,805,636,347</u></u>
Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30/9/2013 có số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác xấp xỉ 94 triệu VND (31/12/2012: 93 triệu VND)		
02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	30/9/2013	1/1/2013
- Đầu tư ngắn hạn khác		89,000,000,000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
	<u><u>0</u></u>	<u><u>89,000,000,000</u></u>
03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/9/2013	1/1/2013
- Lãi tiền gửi Ngân hàng, cho vay	1,516,644,445	31,893,763,805
- Phải thu cổ tức	80,000,000,000	
- Phải thu khác	564,896,063	2,158,725,089
	<u><u>82,081,540,508</u></u>	<u><u>34,052,488,894</u></u>
04- Hàng tồn kho	30/9/2013	1/1/2013
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ	21,421,105	22,555,293
- Hàng hoá	404,106,757	404,106,757
	<u><u>425,527,862</u></u>	<u><u>426,662,050</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

05- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:	30/9/2013	1/1/2013
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trước	11,184,790,801	11,355,454,308
- Thuế thu nhập cá nhân nộp trước		
- Thuế giá trị gia tăng	<u>11,369,174</u>	<u>11,369,174</u>
	<u>11,196,159,975</u>	<u>11,366,823,482</u>
07- Phải thu dài hạn khác	30/9/2013	1/1/2013
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Phải thu dài hạn khác	<u>448,979,590,000</u>	<u>448,979,590,000</u>
	<u>448,979,590,000</u>	<u>448,979,590,000</u>

08- Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu quý	-	1,447,945,455	22,181,905,334	11,958,110,393	35,587,961,182
- Tăng trong kỳ		1,051,122,113	1,057,407,273		2,108,529,386
- Đầu tư XDCB hoàn thành			(716,870,309)		(716,870,309)
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
- Chuyển sang BDS đầu tư					-
Số dư cuối quý	-	2,499,067,568	22,522,442,298	11,958,110,393	36,979,620,259
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu quý	-	283,539,685	16,305,003,404	7,085,089,437	23,673,632,526
- Khấu hao trong kỳ		56,931,624	844,085,158	699,559,899	1,600,576,681
- Thanh lý, nhượng bán			(469,595,773)		(469,595,773)
- Giảm khác					-
- Chuyển sang BDS đầu tư					-
Số dư cuối quý	-	340,471,309	16,679,492,789	7,784,649,336	24,804,613,434
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu quý	-	1,164,405,770	5,876,901,930	4,873,020,956	11,914,328,656
Tại ngày cuối quý	-	2,158,596,259	5,842,949,509	4,173,461,057	12,175,006,825

- Nguyên giá TSCĐ HH đến hết ngày 30/9/2013 có các tài sản trị giá: 2.406 triệu vnd đã khấu hao hết (31/12/2012: 2.406 triệu vnd) nhưng vẫn còn được sử dụng

10- Tăng, giảm TSCĐ vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu quý	28,755,408,500	1,692,110,600	30,447,519,100
- Mua trong quý		662,977,540	662,977,540
- Chuyển sang từ chi phí xđcbdd			
- Biến động khác			
- Giảm khác			
- Phân loại lại			
Số dư cuối quý	28,755,408,500	2,355,088,140	31,110,496,640
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu quý	-	1,037,493,773	1,037,493,773
- Khấu hao trong quý		143,432,065	143,432,065
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối quý	-	1,180,925,838	1,180,925,838
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu quý	28,755,408,500	654,616,827	29,410,025,327
Tại ngày cuối quý	28,755,408,500	1,174,162,302	29,929,570,802

- TSCĐVH đến hết ngày 30/9/2013 có các tài sản nguyên giá: 0 triệu vnd (31/12/2012: 22 triệu vnd) đã khấu hao hết nhưng vẫn được sử dụng

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:	Nhà cửa	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/7/2013	259,227,056,200	259,227,056,200
Tăng trong kỳ		-
Tại ngày 30/9/2013	259,227,056,200	259,227,056,200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/7/2013	17,728,452,510	17,728,452,510
Khấu hao trong kỳ	3,240,338,202	3,240,338,202
Tại ngày 30/9/2013	20,968,790,712	20,968,790,712
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 1/7/2013	241,498,603,690	241,498,603,690
Tại ngày 30/9/2013	238,258,265,488	238,258,265,488

13- Đầu tư dài hạn khác:	30/9/2013	1/1/2013
- Đầu tư dài hạn khác	700,000,000	279,700,000,000
	<u>700,000,000</u>	<u>279,700,000,000</u>

14- Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Chi phí phát hành trái phiếu	công cụ và dụng cụ	Chi phí sửa chữa lớn	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	167,924,966	1,557,970,694	1,597,304,779	3,323,200,439
Tăng trong kỳ		119,909,092		119,909,092
Giảm khác				-
Chuyển từ TSCDHH				-
Phân bổ trong kỳ	(167,924,966)	(349,768,385)	(287,537,441)	(805,230,792)
Số dư cuối kỳ	(0)	1,328,111,401	1,309,767,338	2,637,878,739

15- Vay và nợ ngắn hạn	30/9/2013	1/1/2013
- Vay ngắn hạn	428,560,263,886	129,400,000,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		218,000,000,000
	<u>428,560,263,886</u>	<u>347,400,000,000</u>

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/9/2013	1/1/2013
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập cá nhân	11,814,053,779	47,832,525
- Khác		
	<u>11,814,053,779</u>	<u>47,832,525</u>

17- Chi phí phải trả	30/9/2013	1/1/2013
- Trích trước chi phí lãi vay		13,488,127,853
	<u>0</u>	<u>13,488,127,853</u>

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/9/2013	1/1/2013
- Phải trả cổ tức	939,221,350	746,511,000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises		8,108,114,236
- Phải trả Công ty RHI		
- Lãi vay phải trả	1,037,069,445	
- Nhận vay không lãi		
- Doanh thu chưa thực hiện	8,639,835,000	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	790,080,000	2,711,597,975
	<u><u>11,406,205,795</u></u>	<u><u>11,566,223,211</u></u>
20- Vay dài hạn	30/9/2013	1/1/2013
- Vay ngân hàng		62,000,000,000
- Vay dài hạn khác	100,000,000,000	
	<u><u>100,000,000,000</u></u>	<u><u>62,000,000,000</u></u>
21 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30/9/2013	1/1/2013
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang		
Tổng tài sản thuế TN hoãn lại	<u><u>0</u></u>	<u><u>0</u></u>

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khác (Dự phòng IC)	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư tại ngày 31/3/2013	4,190,525,330,000	2,207,350,817,068	643,685,141,694	86,611,964,000	7,128,173,252,762
Tăng vốn trong kỳ					
Lợi nhuận trong kỳ			273,977,092,322		273,977,092,322
Trả cổ tức bằng tiền mặt					
Số dư tại ngày 30/6/2013	4,190,525,330,000	2,207,350,817,068	917,662,234,016	86,611,964,000	7,402,150,345,084
- Lãi trong kỳ			562,881,125,593		562,881,125,593
- Thù lao trả Hội đồng quản trị, BKS			(1,362,000,000)		(1,362,000,000)
Chia cổ tức bằng tiền			(419,052,533,000)		(419,052,533,000)
Số dư tại ngày 30/9/2013	4,190,525,330,000	2,207,350,817,068	1,060,128,826,609	86,611,964,000	7,544,616,937,677



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
 Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
 Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

	30/9/2013	1/1/2013
<i>b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	-	-
- Vốn góp của Nhà nước		
- Vốn góp của các đối tượng khác	4,190,525,330,000	4,190,525,330,000
Cộng	<u>4,190,525,330,000</u>	<u>4,190,525,330,000</u>
<i>Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	Từ 01/7/2013 đến 30/9/2013	Từ 01/4/2013 đến 30/6/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4,190,525,330,000	4,190,525,330,000
+ Vốn góp đầu kỳ	4,190,525,330,000	4,190,525,330,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	4,190,525,330,000	4,190,525,330,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
<i>d- Cổ tức</i>		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		
<i>d- Cổ phiếu</i>	30/9/2013	1/1/2013
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	419,052,533	419,052,533
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	419,052,533	419,052,533
+ Cổ phiếu phổ thông	419,052,533	419,052,533
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	419,052,533	419,052,533
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10,000	10,000

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý 3/2013	Quý 3/2012
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01)		
- Doanh thu bán hàng	8,043,240,000	7,968,000,000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>8,043,240,000</u>	<u>7,968,000,000</u>
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	Quý 3/2013	Quý 3/2012
- Chiết khấu thương mại	<u>0</u>	<u>0</u>
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý 3/2013	Quý 3/2012
- Hàng hóa đã bán	3,240,338,202	3,234,088,203
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>3,240,338,202</u>	<u>3,234,088,203</u>
28- Doanh thu hoạt động tài chính. (Mã số 21)	Quý 3/2013	Quý 3/2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,147,412,175	85,098,819,365
- Lợi nhuận công ty con, công ty liên kết	<u>564,000,000,000</u>	<u>32,600,000,000</u>
	<u>569,147,412,175</u>	<u>117,698,819,365</u>
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý 3/2013	Quý 3/2012
- Lãi tiền vay	5,643,687,644	31,480,884,860
- Lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính	<u>5,643,687,644</u>	<u>31,480,884,860</u>
30- Thu Nhập khác	Quý 3/2013	Quý 3/2012
Thu từ thanh lý TSCĐ	291,363,636	
Thu từ cho thuê xe	584,125,000	555,810,000
Thu nhập khác	<u>1,093,755,721</u>	<u>1,215,520,850</u>
	<u>1,969,244,357</u>	<u>1,771,330,850</u>

31- Chi phí khác

Giá trị còn lại của TSCD đã thanh lý
Giá trị khấu hao của TSCD cho thuê
Chi phí khác

Quý 3/2013
247,274,535
511,516,410
179
758,791,124

Quý 3/2012
493,961,778
179
493,961,957

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- 4 Thông tin về hoạt động liên tục:
- 5 Những thông tin khác(3):

Người lập biểu



Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng



Lý Thị Ngan

Lập, ngày 19 tháng 10 năm 2013

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Tuấn Dương